

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	13 - 34
8. Phụ lục	35 - 38

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu quận 10 theo Quyết định số 58/2000/QĐ-TTg ngày 24 tháng 5 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301172041, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 11 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 15 tháng 10 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 80.000.000.000 VND

Công ty đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu trên Trung tâm giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (nay là Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh) số 36/UBCK-GPNY ngày 4 tháng 5 năm 2005 với mã cổ phiếu là TNA.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : số 111 – 121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-8) 3 8 348 984
Fax : (84-8) 3 9 273 347
Mã số thuế : 0 3 0 1 1 7 2 0 4 1

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam – Trung tâm kinh doanh sắt, thép	C12/12E Ấp 3, Quốc lộ 1A Xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam – Trung tâm kinh doanh sắt thép	56A quốc lộ 1A, ấp 2, xã Mỹ Yên, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Bán buôn vải giả da, nylon phủ nhựa, màng PVC dạng cuộn;
- Bán buôn cao su;
- Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Quảng cáo;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp các mặt hàng nông, thủy hải sản, lương thực, thực phẩm, điện tử, xe gắn máy, nguyên nhiên vật liệu, vật tư, máy móc thiết bị, phân bón, phương tiện vận tải, vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, mỹ phẩm;
- Dịch vụ nhận ủy thác xuất nhập khẩu các mặt hàng Nhà nước cho phép;
- Tổ chức các hoạt động dịch vụ du lịch, khách sạn, nhà hàng (không kinh doanh tại trụ sở), kinh doanh vàng, bạc, salon auto;
- Mua bán, đại lý, ký gởi các mặt hàng công nghệ phẩm, lương thực, thực phẩm, vật tư thiết bị, phương tiện vận tải, rượu, nông sản, thủy hải sản, kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, phân bón, thuốc trừ sâu, vật tư, máy móc thiết bị, mỹ phẩm;
- Mua bán hàng điện gia dụng, hạt nhựa, vật tư ngành ảnh, văn phòng phẩm, đồ điện gia dụng, giày da, túi xách, đồng hồ, mắt kính, cơ điện lạnh, máy giặt, xe gắn máy và phụ tùng, xe đạp, quần áo, bia nước giải khát (trừ kinh doanh dịch vụ ăn uống);

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM
VĂN PHÒNG CÔNG TY

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Đại lý ký gửi hàng hóa. Thu mua và chế biến hàng nông, thủy, hải sản xuất khẩu (không hoạt động tại trụ sở);
- Cho thuê xe du lịch;
- Mua bán sắt thép, kim loại phế liệu và dịch vụ phá dỡ tàu thuyền, ô tô cũ (không hoạt động tại trụ sở);
- Mua bán xe ô tô;
- Mua bán gỗ rừng trồng, gỗ nhập khẩu;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa;
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- Kinh doanh lữ hành nội địa;
- Kinh doanh bất động sản.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Văn phòng Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 38).

Trong kỳ, Văn phòng Công ty đã phân phối lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính năm 2012 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển (10% lợi nhuận sau thuế)	3.731.681.153 VND
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (12% lợi nhuận sau thuế)	4.478.017.384 VND
- Trích quỹ hoạt động Hội đồng quản trị (03% lợi nhuận sau thuế)	1.119.504.346 VND
- Trích khoản cổ đông tham gia công tác xã hội	299.926.000 VND
- Chia cổ tức bổ sung (10% mệnh giá)	7.999.749.000 VND
Cộng	<u>17.628.877.883 VND</u>

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Bà Nguyễn Thị Hiệp	Chủ tịch	28 tháng 10 năm 2002	-
Ông Nguyễn Quang Hòa	Phó Chủ tịch	27 tháng 3 năm 2008	-
Ông Hồ Thái Hà	Thành viên	31 tháng 3 năm 2007	-
Ông Ngô Hữu Hoàn	Thành viên	31 tháng 3 năm 2007	-
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên	01 tháng 4 năm 2006	-

Ban kiểm soát

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Vương Quang Diệu	Trưởng ban	26 tháng 3 năm 2008	-
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên	26 tháng 3 năm 2008	-
Bà Trần Thị Thu Liễu	Thành viên	09 tháng 4 năm 2005	31 tháng 3 năm 2013
Bà Phạm Thị Đăng Thơ	Thành viên	31 tháng 3 năm 2013	-

Ban Tổng Giám đốc

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Ngô Hữu Hoàn	Tổng Giám đốc	18 tháng 4 năm 2007	-
Ông Lê Hữu Trung	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 01 năm 2013	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Văn phòng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Văn phòng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Văn phòng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Văn phòng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam - Văn phòng Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Ngô Hữu Hoàn
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2013



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 1-3 Song Day St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0707/2013/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam – Văn phòng Công ty gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, được lập ngày 30 tháng 7 năm 2013, từ trang 06 đến trang 38 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Văn phòng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính được soát xét đính kèm chỉ là Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam. Để hiểu đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cần xem Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam đã được soát xét.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
A & C

Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0100-2013-008-1

Nguyễn Thị Phước Tiên

Nguyễn Thị Phước Tiên - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1199-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM - VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 111-121 Ngõ Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		698.266.564.621	573.403.170.645
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	38.888.014.810	32.974.564.390
1. Tiền	111		23.565.344.751	18.838.051.290
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.322.670.059	14.136.513.100
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	35.600.000.000	4.900.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		35.600.000.000	4.900.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		135.342.449.224	174.484.775.841
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	108.863.253.809	135.637.546.156
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	22.915.291.804	36.534.665.772
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		2.923.683.892	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	640.219.719	2.312.563.913
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		472.746.960.720	358.777.500.399
1. Hàng tồn kho	141	V.6	472.785.836.725	358.777.500.399
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(38.876.005)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.689.139.867	2.266.330.015
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	1.014.432.448	92.562.325
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		13.005.934.118	600.211.940
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	1.668.773.301	1.573.555.750

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM - VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		73.796.764.045	79.266.722.991
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		47.181.864.039	46.931.565.245
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	19.910.960.366	20.494.516.508
<i>Nguyên giá</i>	222		27.211.914.212	26.972.611.786
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(7.300.953.846)	(6.478.095.278)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	25.463.047.500	25.486.147.500
<i>Nguyên giá</i>	228		25.486.147.500	25.486.147.500
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(23.100.000)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	1.807.856.173	950.901.237
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	22.186.682.478	22.704.565.116
<i>Nguyên giá</i>	241		27.119.789.935	27.119.789.935
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(4.933.107.457)	(4.415.224.819)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.900.000.000	8.888.450.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	2.400.000.000	2.400.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	1.500.000.000	6.488.450.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		528.217.528	742.142.630
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	503.217.528	602.749.107
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	114.393.523
3. Tài sản dài hạn khác	268		25.000.000	25.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		772.063.328.666	652.669.893.636

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM - VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		522.745.381.736	406.968.542.335
I. Nợ ngắn hạn	310		517.352.061.736	401.628.222.335
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	281.112.563.742	209.784.678.514
2. Phải trả người bán	312	V.17	208.606.757.559	130.297.764.021
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	15.053.880.610	45.147.825.558
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	3.934.561.759	4.669.658.524
5. Phải trả người lao động	315	V.20	3.226.541.440	2.427.114.763
6. Chi phí phải trả	316	V.21	562.121.334	1.250.755.908
7. Phải trả nội bộ	317		-	4.152.627.999
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	520.283.334	518.455.111
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.23	4.335.351.958	3.379.341.937
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		5.393.320.000	5.340.320.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.24	5.393.320.000	5.340.320.000
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		249.317.946.930	245.701.351.301
I. Vốn chủ sở hữu	410		249.317.946.930	245.701.351.301
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.25	80.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25	55.186.113.637	55.186.113.637
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.25	(2.483.300)	(2.483.300)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.25	62.211.542.090	57.930.319.330
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.25	8.535.522.432	8.535.522.432
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.25	43.387.252.071	44.051.879.202
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		772.063.328.666	652.669.893.636

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM - VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		398.345.560	398.345.560
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		53.554,32	106.375,45
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2013

Vũ Thị Thúy Nga
Người lập biểuHà Hạnh Hoa
Kế toán trưởngNgô Hữu Hoàn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM - VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 111-121 Ngõ Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	699.957.445.495	577.700.405.008
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	462.726.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	699.957.445.495	577.237.679.008
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	650.306.417.839	531.800.705.638
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		49.651.027.656	45.436.973.370
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.789.872.053	13.421.446.645
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	12.073.435.439	21.222.638.910
Trong đó: chi phí lãi vay	23		10.531.705.799	21.143.341.087
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	9.120.555.479	5.978.162.537
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	8.142.182.396	6.867.999.309
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22.104.726.395	24.789.619.259
11. Thu nhập khác	31		137.992.648	145.699.091
12. Chi phí khác	32		7.854.505	4.896.974
13. Lợi nhuận khác	40		130.138.143	140.802.117
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		22.234.864.538	24.930.421.376
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.19	5.786.206.138	5.922.808.838
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		114.393.523	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>16.334.264.877</u>	<u>19.007.612.538</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2013

Vũ Thị Thúy Nga
Người lập biểuHà Hạnh Hoa
Kế toán trưởng
Ngô Hữu Hoàn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM - VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		22.234.864.538	24.930.421.376
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	VI.7	1.731.306.339	1.716.456.653
- Các khoản dự phòng	03		38.876.005	(1.437.000.745)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	937.775.714	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(1.635.043.836)	(9.599.651.954)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	10.531.705.799	21.143.341.087
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		33.839.484.559	36.753.566.417
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		13.896.261.015	4.767.912.392
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(114.008.336.326)	(48.361.178.636)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		45.684.848.912	10.690.057.963
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(772.426.834)	(508.809.126)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.21;VI.4	(10.427.158.555)	(21.952.306.023)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.19	(7.754.746.374)	(5.975.719.142)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		11.175.954.637	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(5.219.422.258)	(2.825.639.495)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(33.585.541.224)	(27.412.115.650)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11	(1.534.426.755)	(1.644.876.576)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(33.000.000.000)	(18.600.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		7.288.450.000	24.500.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5;VI.3	3.416.832.171	9.599.651.954
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(23.829.144.584)	13.854.775.378

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM - VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.16	525.207.008.932	490.359.428.711
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.16	(453.879.123.704)	(499.572.188.556)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.25	(7.999.749.000)	(7.991.739.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		63.328.136.228	(17.204.498.845)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		5.913.450.420	(30.761.839.117)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	32.974.564.390	47.152.329.812
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	13.479.429
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	38.888.014.810	16.403.970.124

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2013

Vũ Thị Thúy Nga
Người lập biểuHà Hạnh Hoa
Kế toán trưởng
Ngô Hữu Hoàn
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, thương mại, kinh doanh bất động sản.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Mua bán, đại lý, ký gởi các mặt hàng công nghệ phẩm, lương thực, thực phẩm, vật tư thiết bị, phương tiện vận tải, rượu, nông sản, thủy hải sản, kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, phân bón, thuốc trừ sâu, vật tư, máy móc thiết bị, mỹ phẩm; Đại lý ký gửi hàng hóa. Thu mua và chế biến hàng nông, thủy, hải sản xuất khẩu (không hoạt động tại trụ sở); Cho thuê xe du lịch; Mua bán sắt thép, kim loại phế liệu và dịch vụ phá dỡ tàu thuyền, ô tô cũ (không hoạt động tại trụ sở); Mua bán xe ô tô; Dịch vụ khai thuê hải quan; Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Kinh doanh bất động sản.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 Văn phòng Công ty có 52 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 55 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Văn phòng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Văn phòng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng-Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Văn phòng Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chứng từ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn trong kỳ.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Văn phòng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 30
Máy móc và thiết bị	06 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	10
Tài sản cố định hữu hình khác	05

6. Tài sản thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Văn phòng Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Văn phòng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Văn phòng Công ty gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Văn phòng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Văn phòng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Văn phòng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm: chi phí sửa chữa, giấy phép bản quyền phần mềm,... được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 – 05 năm.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

14. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Văn phòng Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Văn phòng Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Văn phòng Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

15. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Văn phòng Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng như sau:

	Mục đích
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

Mức trích lập của quý được thực hiện theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 111-121 Ngõ Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2012: 20.812 VND/USD
30/06/2013: 21.125 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.6.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Văn phòng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

21. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Văn phòng Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 111-121 Ngõ Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

22. **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Văn phòng Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Văn phòng Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

23. **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Văn phòng Công ty

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

24. **Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

25. **Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	812.813.714	770.730.215
Tiền gửi ngân hàng	22.752.531.037	18.067.321.075
Các khoản tương đương tiền (*)	15.322.670.059	14.136.513.100
Cộng	<u>38.888.014.810</u>	<u>32.974.564.390</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khoản góp vốn hợp tác đầu tư dự án Khu biệt thự du lịch Bắc Sơn tại TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng với Công ty TNHH dịch vụ kinh doanh nhà và du lịch Gia Phúc Thịnh	4.600.000.000	4.900.000.000
Khoản góp vốn hợp tác đầu tư dự án chung cư cao tầng tại 91 Phạm Văn Hai, phường 3, quận Tân Bình với Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh địa ốc Hưng Thịnh	28.000.000.000	-
Khoản góp vốn thi công gói thầu xây dựng với Công ty TNHH đầu tư - xây dựng - thương mại Băng Dương	3.000.000.000	-
Cộng	<u>35.600.000.000</u>	<u>4.900.000.000</u>

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng kinh doanh bất động sản	394.643.141	126.377.439
Khách hàng bán hàng hóa và dịch vụ	108.468.610.668	135.511.168.717
Cộng	<u>108.863.253.809</u>	<u>135.637.546.156</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp trong nước	21.051.387.324	34.733.528.273
Các nhà cung cấp nước ngoài	1.863.904.480	1.801.137.499
Cộng	<u>22.915.291.804</u>	<u>36.534.665.772</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khoản chi hộ tiền công tác xã hội	59.860.000	299.926.000
Khoản lãi góp vốn phải thu	-	1.774.866.394
Hàng ủy thác nhập khẩu	177.680.701	-
Lãi dự thu	51.734.522	58.656.463
Các khoản phải thu khác	350.944.496	179.115.056
Cộng	<u>640.219.719</u>	<u>2.312.563.913</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**6. Hàng tồn kho**

Hàng hóa tồn kho.

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí vật dụng	56.158.650	92.562.325
Tiền thuê đất	958.273.798	-
Cộng	<u>1.014.432.448</u>	<u>92.562.325</u>

8. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	119.662.400	53.698.000
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	1.549.110.901	1.519.857.750
Cộng	<u>1.668.773.301</u>	<u>1.573.555.750</u>

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định hữu hình khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	14.119.124.751	9.192.121.946	3.218.004.719	217.051.317	226.309.053	26.972.611.786
Mua sắm mới	-	12.727.273	654.507.273	10.237.273	-	677.471.819
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	-	(70.415.000)	-	(171.510.590)	(196.243.803)	(438.169.393)
Số cuối kỳ	<u>14.119.124.751</u>	<u>9.134.434.219</u>	<u>3.872.511.992</u>	<u>55.778.000</u>	<u>30.065.250</u>	<u>27.211.914.212</u>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	485.578.240	263.432.792	-	-	-	749.011.032
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	2.386.246.383	2.566.605.612	1.149.661.608	163.804.144	211.777.531	6.478.095.278
Khấu hao trong kỳ	448.068.306	568.784.852	177.262.923	13.993.642	3.006.528	1.211.116.251
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	-	(52.331.047)	-	(139.682.833)	(196.243.803)	(388.257.683)
Số cuối kỳ	<u>2.834.314.689</u>	<u>3.083.059.417</u>	<u>1.326.924.531</u>	<u>38.114.953</u>	<u>18.540.256</u>	<u>7.300.953.846</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	11.732.878.368	6.625.516.334	2.068.343.111	53.247.173	14.531.522	20.494.516.508
Số cuối kỳ	<u>11.284.810.062</u>	<u>6.051.374.802</u>	<u>2.545.587.461</u>	<u>17.663.047</u>	<u>11.524.994</u>	<u>19.910.960.366</u>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	25.255.147.500	231.000.000	25.486.147.500
Số cuối kỳ	25.255.147.500	231.000.000	25.486.147.500
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	23.100.000	23.100.000
Số cuối kỳ	-	23.100.000	23.100.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	25.255.147.500	231.000.000	25.486.147.500
Số cuối kỳ	25.255.147.500	207.900.000	25.463.047.500

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm TSCĐ	-	677.471.819	(677.471.819)	-
XDCB dở dang	950.901.237	856.954.936	-	1.807.856.173
<i>Công trình 277B Cách Mạng Tháng Tám, quận 10, TP. Hồ Chí Minh</i>				
Cộng	950.901.237	1.534.426.755	(677.471.819)	1.807.856.173

12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	27.119.789.935	4.415.224.819	22.704.565.116
Tăng trong kỳ	-	517.882.638	
Số cuối kỳ	27.119.789.935	4.933.107.457	22.186.682.478

Tại thời điểm cuối kỳ Văn phòng Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư. Danh mục bất động sản đầu tư tại thời điểm cuối kỳ như sau:

- Nhà số 451-453 Nguyễn Tri Phương, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
- Nhà số 01-03 Ngô Gia Tự, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
- Nhà số 355-365 Ngô Gia Tự, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
- Nhà số 277B Cách Mạng Tháng 8, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
- Nhà số 192-198 Ngô Gia Tự, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
- Nhà số 07-09 Lý Thái Tổ, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
- Văn phòng làm việc tại 355 Ngô Gia Tự, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
- Văn phòng làm việc tại 192-198 Ngô Gia Tự, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
- Văn phòng làm việc tại 451-453 Nguyễn Tri Phương, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
- Tòa nhà cao ốc văn phòng 111-121 Ngô Gia Tự, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
- Nhà số 432 Lý Thái Tổ, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
- Kho 2, Đào Duy Từ, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 111-121 Ngõ Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**13. Đầu tư vào công ty con**

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH công nghệ phẩm Thiên Nam.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0306489067 ngày 15 tháng 3 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH công nghệ phẩm Thiên Nam 2.400.000.000 VND, tương đương 80% vốn điều lệ.

14. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH bệnh viện mắt Việt Hàn ⁽ⁱ⁾	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh địa ốc Hưng Thịnh	-	4.988.450.000
Cộng	<u>1.500.000.000</u>	<u>6.488.450.000</u>

(i) Khoản góp vốn vào Công ty TNHH bệnh viện mắt Việt Hàn theo Hợp đồng góp vốn kinh doanh số 114/TN-HN/HĐGV ngày 01 tháng 8 năm 2008.

15. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Công cụ, dụng cụ	44.600.268	63.590.955	(20.471.664)	87.719.559
Chi phí sửa chữa	272.760.667	-	(35.793.258)	236.967.409
Chi phí trả trước dài hạn khác	285.388.172	-	(106.857.612)	178.530.560
Cộng	<u>602.749.107</u>	<u>63.590.955</u>	<u>(163.122.534)</u>	<u>503.217.528</u>

16. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	236.412.563.742	209.784.678.514
- Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình ⁽ⁱ⁾	32.799.997.000	26.906.664.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 10, TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	27.107.942.191	45.750.601.099
- Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	23.401.884.480	18.892.700.300
- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Lý Thường Kiệt ⁽ⁱⁱ⁾	17.441.087.753	42.903.761.228
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ⁽ⁱⁱ⁾	57.223.654.631	48.736.987.443
- Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Lộc ⁽ⁱⁱ⁾	71.390.000.000	26.100.534.630
- Ngân hàng Indovina - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	7.000.000.000	493.429.814
- Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu Lê Đại Hành ⁽ⁱⁱ⁾	47.997.687	-
Vay ngắn hạn cá nhân khác ⁽ⁱⁱⁱ⁾	44.700.000.000	-
Cộng	<u>281.112.563.742</u>	<u>209.784.678.514</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình để mua quyền sử dụng đất và bổ sung vốn lưu động. Khoản vay mua quyền sử dụng đất được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Khoản vay tại các Ngân hàng để bổ sung vốn lưu động và không có tài sản đảm bảo.
- (iii) Vay ngắn hạn các cá nhân để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 0,833%/ tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	209.784.678.514	475.007.008.932	(448.379.123.704)	236.412.563.742
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	-	50.200.000.000	(5.500.000.000)	44.700.000.000
Cộng	209.784.678.514	525.207.008.932	(453.879.123.704)	281.112.563.742

17. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhà cung cấp trong nước	73.333.761.382	63.542.243.040
Nhà cung cấp nước ngoài	135.272.996.177	66.755.520.981
Cộng	208.606.757.559	130.297.764.021

18. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước liên quan đến kinh doanh bất động sản	13.971.551.000	27.881.492.400
Trả trước về mua hàng hoá, dịch vụ	1.082.329.610	17.266.333.158
Cộng	15.053.880.610	45.147.825.558

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	3.480.230.311	(3.480.230.311)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	48.018.381.548	(48.018.381.548)	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	296.346.420	(296.346.420)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.097.333.859	(1.097.333.859)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.644.063.569	5.786.206.138	(7.754.746.374)	2.675.523.333
Thuế thu nhập cá nhân	25.594.955	1.795.763.045	(1.738.677.365)	82.680.635
Tiền thuê đất	-	3.036.862.583	(1.860.504.792)	1.176.357.791
Các loại thuế khác	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Cộng	4.669.658.524	63.515.123.904	64.250.220.669	3.934.561.759

Thuế giá trị gia tăng

Văn phòng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Văn phòng Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 111-121 Ngõ Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Thuế tiêu thụ đặc biệt**

Văn phòng Công ty phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh rượu với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Văn phòng Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	22.234.864.538	24.930.421.376
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng		-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(457.574.090)	(1.239.186.025)
Thu nhập tính thuế	21.777.290.448	23.691.235.351
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	5.444.322.612	5.922.808.838
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Chi nhánh hạch toán phụ thuộc	341.883.526	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.786.206.138	5.922.808.838

Tiền thuê đất

Văn phòng Công ty phải nộp tiền thuê đất theo thông báo của Cục thuế.

Các loại thuế khác

Văn phòng Công ty kê khai và nộp theo qui định.

20. Phải trả người lao động

Tổng quỹ lương được xác định bằng tỷ suất tiền lương trên lợi nhuận trước thuế chưa tính chi phí lương là 25% theo Nghị quyết hội đồng quản trị ngày 24 tháng 5 năm 2013.

21. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	562.121.334	457.574.090
Chi phí xây dựng	-	618.181.818
Chi phí phải trả khác	-	175.000.000
Cộng	562.121.334	1.250.755.908

22. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhận ký quỹ ngắn hạn	134.940.000	296.940.000
Cổ tức phải trả	8.010.000	8.010.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	377.333.334	213.505.111
Cộng	520.283.334	518.455.111

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Trích lập từ		Tăng khác	Số cuối kỳ
		lợi nhuận trong kỳ	Chi quỹ trong kỳ		
Quỹ khen thưởng	3.146.614.696	2.686.810.430	(3.134.635.237)	-	2.698.789.889
Quỹ phúc lợi	589.039.430	1.791.206.954	(1.035.514.472)	113.000.000	1.457.731.912
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	(356.312.189)	1.119.504.346	(584.362.000)	-	178.830.157
Cộng	3.379.341.937	5.597.521.730	(4.754.511.709)	113.000.000	4.335.351.958

24. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ dài hạn.

25. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Cổ tức

Cổ tức năm trước đã chi trả trong kỳ là 7.999.749.000 VND

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(251)	(251)
- Cổ phiếu phổ thông	(251)	(251)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.999.749	7.999.749
- Cổ phiếu phổ thông	7.999.749	7.999.749
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	699.957.445.495	577.700.405.008
- Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	686.904.446.022	567.703.563.096
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	13.052.999.473	9.996.841.912
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	(462.726.000)
Hàng bán bị trả lại	-	-
Doanh thu thuần	699.957.445.495	577.237.679.008
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	686.904.446.022	567.240.837.096
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	13.052.999.473	9.996.841.912

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 111-121 Ngõ Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	647.859.237.248	530.330.079.974
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	2.408.304.586	1.470.625.664
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	38.876.005	-
Cộng	650.306.417.839	531.800.705.638

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	630.288.636	112.624.687
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	83.445.952	56.637.887
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.239.186.025
Lãi từ hoạt động hợp tác kinh doanh	1.004.755.200	8.247.841.242
Lãi bán hàng trả chậm	55.447.165	3.760.964.463
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	15.935.100	4.192.341
Cộng	1.789.872.053	13.421.446.645

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	10.531.705.799	21.143.341.087
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	596.453.926	79.297.823
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	937.775.714	-
Chi phí tài chính khác	7.500.000	-
Cộng	12.073.435.439	21.222.638.910

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.176.131.260	1.154.051.660
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	168.643.468	94.135.816
Chi phí khấu hao tài sản cố định	488.397.945	411.877.475
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.966.075.101	4.047.470.466
Chi phí khác	321.307.705	270.627.120
Cộng	9.120.555.479	5.978.162.537

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	6.519.843.595	4.977.504.098
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	152.727.381	222.659.282
Chi phí khấu hao tài sản cố định	319.381.752	346.052.850
Chi phí dịch vụ mua ngoài	205.830.337	563.230.394
Chi phí khác	944.399.331	758.552.685
Cộng	8.142.182.396	6.867.999.309

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	828.193.649	316.795.098
Chi phí nhân công	7.695.974.855	6.131.555.758
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.731.306.339	1.716.456.653
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.171.905.438	4.610.700.860
Chi phí khác	2.243.662.180	1.029.179.805
Cộng	19.671.042.461	13.804.688.174

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	2.798.100.000	2.832.000.000
Tiền thưởng, phụ cấp	378.193.600	438.000.000
Cộng	3.176.293.600	3.270.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Văn phòng Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty thương mại Sài Gòn	Cổ đông đại diện vốn Nhà nước
Công ty TNHH công nghệ phẩm Thiên Nam	Công ty con

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Văn phòng Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty thương mại Sài Gòn		
Mua hàng hóa	79.297.143.496	60.501.233.549
Công ty TNHH công nghệ phẩm Thiên Nam		
Bán hàng hóa	11.562.505.730	7.773.735.268
Cho thuê mặt bằng, kho	260.181.816	178.363.635
Chia cổ tức	-	1.239.186.025
	-	104.014.424

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH công nghệ phẩm Thiên Nam		
Bán hàng hóa	1.275.279.808	6.605.621.281
Cổ tức phải thu	-	1.659.959.931
Cho thuê mặt bằng, kho	143.100.000	-
Cộng nợ phải thu	<u>1.418.379.808</u>	<u>8.265.581.212</u>
Tổng Công ty thương mại Sài Gòn		
Mua hàng hóa	72.091.966.142	61.680.078.629
Cộng nợ phải trả	<u>72.091.966.142</u>	<u>61.680.078.629</u>

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

Lĩnh vực kinh doanh

Văn phòng Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại, dịch vụ.
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Văn phòng Công ty được thể hiện ở Phụ lục 2 đính kèm.

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Văn phòng Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	7.727.986.639	14.826.633.720
Trên 01 năm đến 05 năm	38.198.807.367	27.776.542.450
Cộng	<u>45.926.794.006</u>	<u>42.603.176.170</u>

4. Quản lý rủi ro tài chính**Tổng quan**

Hoạt động của Văn phòng Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 111-121 Ngõ Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Văn phòng Công ty.

Văn phòng Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Văn phòng Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Khoản nợ phải thu có tài sản đảm bảo, đánh giá năng lực tài chính của khách hàng trước khi thực hiện việc bán hàng.

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Văn phòng Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Văn phòng Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.888.014.810	-	-	-	38.888.014.810
Phải thu khách hàng	107.797.679.409	-	1.065.574.400	-	108.863.253.809
Các khoản cho vay	35.600.000.000	-	-	-	35.600.000.000
Các khoản phải thu khác	640.219.719	-	-	-	640.219.719
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.500.000.000	-	-	-	1.500.000.000
Cộng	184.425.913.938	-	1.065.574.400	-	185.491.488.338
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.974.564.390	-	-	-	32.974.564.390
Phải thu khách hàng	124.375.762.812	-	11.261.783.344	-	135.637.546.156
Các khoản cho vay	-	-	4.900.000.000	-	4.900.000.000
Các khoản phải thu khác	2.312.563.913	-	-	-	2.312.563.913
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	6.488.450.000	-	-	-	6.488.450.000
Cộng	166.151.341.115	-	16.161.783.344	-	182.313.124.459

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết thời gian quá hạn của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	Quá hạn dưới 6 tháng	Quá hạn trên 6 tháng đến dưới 1 năm	Cộng
Số cuối kỳ			
Phải thu khách hàng	-	1.065.574.400	1.065.574.400
Cộng	-	1.065.574.400	1.065.574.400
Số đầu năm			
Phải thu khách hàng	10.911.783.344	350.000.000	11.261.783.344
Các khoản cho vay	-	4.900.000.000	4.900.000.000
Cộng	10.911.783.344	5.250.000.000	16.161.783.344

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Văn phòng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Văn phòng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Văn phòng Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả người bán	208.606.757.559	-	-	208.606.757.559
Vay và nợ	281.112.563.742	-	-	281.112.563.742
Các khoản phải trả khác	1.082.404.668	5.393.320.000	-	6.475.724.668
Cộng	490.801.725.969	5.393.320.000	-	496.195.045.969
Số đầu năm				
Phải trả người bán	130.297.764.021	-	-	130.297.764.021
Vay và nợ	209.784.678.514	-	-	209.784.678.514
Các khoản phải trả khác	1.769.211.019	5.340.320.000	-	7.109.531.019
Cộng	341.851.653.554	5.340.320.000	-	347.191.973.554

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Văn phòng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Văn phòng Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Văn phòng Công ty nhập khẩu hàng hóa với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Văn phòng Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ (USD) của Văn phòng Công ty như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.554,32	106.375,45
Phải thu khách hàng	51.200,00	103.647,50
Phải trả người bán	(6.763.448,13)	(3.147.165,60)
Vay và nợ	-	(156.735,00)
Nợ phải trả thuần có gốc USD	<u>(6.658.693,81)</u>	<u>(3.093.877,65)</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Văn phòng Công ty sẽ giảm/tăng 2.176.361.651 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 641.932.311 VND).

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Văn phòng Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Văn phòng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất.

Văn phòng Công ty có các khoản vay có lãi suất thả nổi tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 236.412.563.742 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 206.522.709.694 VND và 156.735,00 USD).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Văn phòng Công ty sẽ giảm/tăng 3.546.188.456 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 4.032.771.028 VND).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất của tiền USD đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Văn phòng Công ty là không đáng kể do vay USD có giá trị nhỏ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Rủi ro về giá hàng hóa**

Văn phòng Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Văn phòng Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Văn phòng Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**Tài sản tài chính**

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.888.014.810	-	32.974.564.390	-	38.888.014.810	32.974.564.390
Phải thu khách hàng	108.863.253.809	-	135.637.546.156	-	108.863.253.809	135.637.546.156
Các khoản cho vay	35.600.000.000	-	4.900.000.000	-	4.600.000.000	4.900.000.000
Các khoản phải thu khác	640.219.719	-	2.312.563.913	-	640.219.719	2.312.563.913
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.500.000.000	-	6.488.450.000	-	32.500.000.000	6.488.450.000
Cộng	185.491.488.338	-	182.313.124.459	-	185.491.488.338	182.313.124.459

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Vay và nợ	281.112.563.742	209.784.678.514	281.112.563.742
Phải trả người bán	208.606.757.559	130.297.764.021	208.606.757.559	130.297.764.021
Các khoản phải trả khác	6.475.724.668	7.109.531.019	6.475.724.668	7.109.531.019
Cộng	496.195.045.969	347.191.973.554	496.195.045.969	347.191.973.554


Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.


Văn phòng Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Văn phòng Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá ghi sổ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2013


Vũ Thị Thúy Nga
Người lập biểu


Hà Hạnh Hoa
Kế toán trưởng


Ngô Hữu Hoàn
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM - VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 111-121 Ngõ Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	80.000.000.000	55.186.113.637	(2.483.300)	(35.324.956)	52.561.506.161	6.727.120.505	36.489.142.681	230.926.074.728
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	37.523.054.840	37.523.054.840
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	-	6.296.329.332	1.808.401.927	(13.529.937.040)	(5.425.205.781)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(15.999.498.000)	(15.999.498.000)
Quý tham gia công tác xã hội	-	-	-	-	-	-	(296.160.000)	(296.160.000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá đầu năm	-	-	-	35.324.956	-	-	-	35.324.956
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất các năm trước	-	-	-	-	(927.516.163)	-	(134.723.279)	(1.062.239.442)
Số dư cuối năm trước	80.000.000.000	55.186.113.637	(2.483.300)	-	57.930.319.330	8.535.522.432	44.051.879.202	245.701.351.301
Số dư đầu năm nay	80.000.000.000	55.186.113.637	(2.483.300)	-	57.930.319.330	8.535.522.432	44.051.879.202	245.701.351.301
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	16.334.264.877	16.334.264.877
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	3.731.681.153	-	(9.878.744.490)	(6.147.063.337)
Thuế miễn giảm 2012 tăng quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	549.541.607	-	-	549.541.607
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(7.999.749.000)	(7.999.749.000)
Quý tham gia công tác xã hội	-	-	-	-	-	-	(299.926.000)	(299.926.000)
Lợi nhuận từ Chi nhánh chuyển về Văn phòng Công ty	-	-	-	-	-	-	1.179.527.482	1.179.527.482
Số dư cuối kỳ	80.000.000.000	55.186.113.637	(2.483.300)	-	62.211.542.090	8.535.522.432	43.387.252.071	249.317.946.930

Đơn vị tính: VND

Ms

Vũ Thị Thúy Nga
Người lập biểu

Hà Hạnh Hoa
Kế toán trưởng



Handwritten signature



Ngô Hữu Hoàn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM - VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 111-121 Ngõ Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Văn phòng Công ty như sau:

Kỳ này	Lĩnh vực thương mại, dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	686.904.446.022	13.052.999.473	699.957.445.495
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	686.904.446.022	13.052.999.473	699.957.445.495
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	24.069.494.765	8.318.795.016	32.388.289.781
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	32.388.289.781
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	1.789.872.053
Chi phí tài chính	-	-	(12.073.435.439)
Thu nhập khác	-	-	137.992.648
Chi phí khác	-	-	(7.854.505)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	(5.786.206.138)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	(114.393.523)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	741.062.774	856.954.936	16.334.264.877
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	741.062.774	856.954.936	1.598.017.710
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.397.338.785	517.882.638	1.915.221.423
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM - VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 111-121 Ngõ Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Đơn vị tính: VND	
Kỳ trước		
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	567.240.837.096	9.996.841.912
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	567.240.837.096	9.996.841.912
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	26.190.016.487	6.400.795.037
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	32.590.811.524	32.590.811.524
Doanh thu hoạt động tài chính	13.421.446.645	13.421.446.645
Chi phí tài chính	(21.222.638.910)	(21.222.638.910)
Thu nhập khác	145.699.091	145.699.091
Chi phí khác	(4.896.974)	(4.896.974)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(5.922.808.838)	(5.922.808.838)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19.007.612.538	19.007.612.538
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	674.487.268	1.259.381.859
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.382.207.042	532.089.774
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM - VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 111-121 Ngõ Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Đơn vị tính: VND		
	Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Văn phòng Công ty như sau:		
	Lĩnh vực thương mại, dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	650.184.604.798	43.028.170.040	693.212.774.838
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			78.850.553.828
Tổng tài sản			772.063.328.666
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	495.102.587.019	19.364.871.000	514.467.458.019
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			8.277.923.717
Tổng nợ phải trả			522.745.381.736
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	548.945.115.939	54.649.199.394	603.594.315.333
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			49.075.578.303
Tổng tài sản			652.669.893.636
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	365.658.393.919	33.253.137.955	398.911.531.874
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			8.057.010.461
Tổng nợ phải trả			406.968.542.335

HN

Vũ Thị Thúy Nga
Người lập biểu

sthuva

Hà Hạnh Hoa
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2013



Ngô Hữu Hoàn
Tổng Giám đốc